TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 137/2024/DS-ST
Ngày: 13/6/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Nguyệt H**ồng.
Các Hội thẩm nhân dân
1. Ông **Nguyễn Văn Cường.**
2. Bà **Lê Thị Ngọc Thúy.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Hồ Hải Hương** – thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang* không tham gia phiên tòa.**

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Ngọc O, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: Khu phố T, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: anh Lê Trường X, sinh năm: 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A T, phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Hợp đồng ủy quyền ngày 04/3/2024 có số chứng thực 27 quyển số 01/2024 – SCT/HĐ,GD tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.)

2. Bị đơn:

Trần Văn S, sinh năm 1976; (Có mặt)

Đinh Thị S1, sinh năm: 1983; (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện ủy quyền nguyên đơn là anh Lê Trường X trình bày: Qua quen biết chị O có cho chị S1, anh S vay số tiền 600.000.000 đồng vào ngày 18/02/2023, khi vay có làm biên nhận, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng. Sau khi vay đến thời hạn trả nợ thì phía chị S1, anh S không trả vốn và lãi như thỏa thuận, phía chị O đã nhiều lần liên hệ để lấy lại vốn nhưng không được.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh S, chị S1 cùng có nghĩa vụ trả lại số tiền vay vốn 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 18/02/2023 đến ngày Tòa án xét xử. yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Chứng cứ: Giấy tay vay tiền.

* Tại bản tự khai và trong suốt quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Văn S trình bày: Trong vụ án trước đây do anh có vay tiền chị Kim O1 là 150.000.000 đồng nhưng chị Kim O1 lại đem sổ đỏ của anh chuyển nhượng cho chị Ngọc O 600.000.000 đồng do sợ mất nhà đất nên anh mới lên nhà chị Ngọc O ký giấy nợ 600.000.000 đồng theo biên nhận mà chị Ngọc O cung cấp cho Tòa chứ thực tế vợ chồng anh không có vay số tiền 600.000.000 đồng của chị Ngọc O. Nay với yêu cầu khởi kiện của chị Ngọc O vợ chồng anh đồng ý trả vốn 600.000.000 đồng, xin không trả lãi, xin trả mỗi năm 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn.

* Tại bản tự khai và trong suốt quá trình tố tụng bị đơn chị Đinh Thị S1 trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của chồng chị là anh S.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Bị đơn giữ nguyên ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về tố tụng:

Quan hệ mà các bên đang tranh chấp là *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được qui định tại điều 463 Bộ luật Dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Đinh Thị S1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị Đinh Thị S1 theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung:

1/ Xét yêu cầu của chị Trương Ngọc O yêu cầu chị Đinh Thị S1, anh Trần Văn S cùng có nghĩa vụ trả số tiền 600.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi vợ chồng anh S vay tiền của chị O hai bên có lập "Biên nhận ngày 18/02/2023" để vay số tiền 600.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án phía vợ chồng anh S đồng ý trả chị O số tiền 600.000.000 đồng. Từ đó đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

2/ Xét yêu cầu tính lãi của chị O yêu cầu tính lãi số tiền 600.000.000 đồng từ ngày 18/02/2023 đến ngày xét xử 13/6/2024 với mức lãi suất 1%. Tại phiên tòa phía anh S cung cấp chứng cứ việc đã trả lãi cho chị O với mức lãi suất 1%/tháng với tổng số tiền lãi đã trả là 42.000.000 đồng phía đại diện ủy quyền của chị O đồng ý trừ số tiền lãi đã nhận vào số tiền lãi đã yêu cầu là phù hợp với quy định và có lợi cho phía bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi: (600.000.000 đồng x 15 tháng 25 ngày x1%) – 42.000.000 đồng (lãi đã nhận) = 53.000.000 đồng.

3/ Xét yêu cầu của chị O về thời gian trả số tiền vốn và lãi tổng cộng 653.000.000 đồng.

Chị O yêu cầu vợ chồng anh S trả số tiền 653.000.000 đồng làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, thời hạn vay đã quá hạn thanh toán nhưng đến nay vợ chồng anh S đã vi phạm nghĩa vụ nên yêu cầu của chị O về thời gian trả là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

4/ Về án phí: Yêu cầu của chị O được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh S, chị S1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng anh chị có đơn xin giảm án phí do có hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử xét giảm ½ án phí cho anh S, chị S1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 463,468, 288 Bộ luật Dân sự;

- Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Ngọc O.

Buộc anh Trần Văn S, chị Đinh Thị S1 cùng có nghĩa vụ trả cho chị Trương Ngọc O số tiền là 653.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ba triệu đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi chị O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh S, chị S1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí:

Anh Trần Văn S, chị Đinh Thị S1 phải nộp 16.325.000 đồng (Mười sáu triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn lại cho chị Trương Ngọc O số tiền 16.400.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013260 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSND huyện GCĐ;*
- *Chi cục THA huyện GCĐ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS- AV.*

LÊ THỊ NGUYỆT HỒNG